“啊”字

(1) A：你 是 王小姐 吗？

A: Nǐ shì Wáng xiǎojiě ma?

B： 是 啊。

B: Shì a.

(2) A： 小王 的 衣服 太 漂亮了！

A: Xiǎo Wáng de yīfu tài piàoliangle!

B：是 啊，她 买 了 不少 衣服。

B: Shì a, tā mǎi le bù shǎo yīfu.

(3) A：你 想 去 吃 中国菜 吗？

A: Nǐ xiǎng qù chī Zhōngguó cài ma?

B：好 啊。

B: Hǎo a.

Tự đúc kết công thức

LIVEWORKSHEETS